TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2025/DS-ST
Ngày: 29-12-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng vận chyển

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm;

2. Ông Ngô Văn Được.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc "tranh chấp về hợp đồng vận chuyển", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/10/1975; căn cước công dân số: 089075007515; địa chỉ: Số A tổ F ấp H, xã C, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1986 (theo căn cước công dân sinh ngày 29/11/1983), số căn cước công dân 089083029155; địa chỉ: Số A tổ F ấp H, xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào ngày 26/02/2025 ông Trần Văn Đ có đến nhà ông thuê xe tải vận chuyển nông sản từ xã K đến C, mỗi chuyến vận chuyển 02 bên thỏa thuận là 3.000.000đồng; đến ngày 14/4/2025, tổng cộng là 11 chuyến là 33.000.000đồng. Ông đã nhiều lần gặp ông Đ đòi tiền ông Đ trả được 5 lần là 12.000.000đồng

(lần 1 trả 2.000.000đồng; lần 2 trả 3.000.000đồng; lần 3 trả 2.000.000đồng; lần 4 trả 4.000.000đồng; lần 5 trả 1.000.000đồng); còn lại ông Đ thiếu 21.000.000đồng. Ngày 31/7/2025 Ban Ấ có hòa giải ông Đ thừa nhận có thiếu ông số tiền nêu trên và cam kết trả hàng tháng 300.000đồng ông không đồng ý. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn Đ trả cho ông số tiền 21.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn Đ có lời khai trình bày: Ông Đ đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc ông T khởi kiện yêu cầu trả số tiền thuê vận chuyển còn thiếu. Ý kiến của ông Đ là thừa nhận còn thiếu ông T số tiền là 21.000.000đồng (Bằng chữ: Hai mươi mốt triệu đồng). Hiện tại do khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng là 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 530, Điều 536 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T; buộc ông Trần Văn Đ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ cước vận chuyển tài sản là 21.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn T khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dân sự với ông Trần Văn Đ. Ông Đ có nơi cư trú trên địa bàn xã C. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Ông Trần Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Đ trả số tiền thuê xe tải vận chuyển nông sản từ xã K đến C, số tiền còn nợ 21.000.000đồng. Căn cứ khởi kiện là lời thừa nhận của ông Đ tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2025, của Tổ hòa giải ấp H, đã có cơ sở xác định giao dịch này là hợp đồng dân sự, theo hợp đồng, các bên đã tự nguyện giao kết, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 530 Bộ luật Dân sự, cho nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 536 Bộ luật dân sự, qua đối chiếu chứng cứ, yêu cầu của ông T là có căn cứ cho nên việc ông T đòi ông Đ trả tiền còn thiếu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của ông Đ xin trả dần hằng tháng, mỗi tháng là 500.000đồng; Ông T không đồng ý và Tòa án không có căn cứ cho trả dần cho nên Tòa án chỉ buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 26, 35, 39, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 530, 536 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và xử như sau:

1) Buộc ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 21.000.000đồng (Bằng chữ: Hai mươi mốt triệu đồng).

2) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3) Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 525.000đồng (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai số 0004188 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

Ông Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.050.000đồng (Bằng chữ: Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

4) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11-An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hùng